

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 資產負債表

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN 資產 | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN 流動資產 | 100 | | 231,496,921,136 | 288,581,730,534 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền 貨幣資金 | 110 | | 2,730,537,094 | 6,906,199,320 |
| 1. Tiền 現金 | 111 | | 2,730,537,094 | 6,906,199,320 |
| 2. Các khoản tương đương tiền 約當現金 | 112 | | | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn 短期投資 | 120 | | | |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2) | 122 | | (...) | (...) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn 應收款項 | 130 | | 27,511,361,686 | 24,083,982,936 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng 應收帳款 | 131 | | 38,779,618,527 | 33,717,554,534 |
| 2. Trả trước cho người bán 預付款項 | 132 | | 2,630,493,069 | 4,552,143,879 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác 其他應收款項 | 136 | | 5,272,557,970 | 4,342,368,639 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) 備抵呆帳 | 137 | | (19,171,307,880) | (19,171,307,880) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | 643,223,764 |
| IV. Hàng tồn kho 存貨 | 140 | | 186,890,583,737 | 226,725,702,129 |
| 1. Hàng tồn kho 存貨 | 141 | | 191,742,620,957 | 242,906,155,815 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) 備抵存貨跌價損失 | 149 | | (4,852,037,220) | (16,180,453,686) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác 其他流動資產 | 150 | | 14,364,438,619 | 30,865,846,149 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn 短期預付費用 | 151 | | 5,171,804,147 | 22,812,166,354 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ 得扣抵之增值稅 | 152 | | 7,829,607,527 | 7,707,807,443 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước 應收回稅款 | 153 | | 1,363,026,945 | 345,872,352 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ 買賣政府債券的交易 | 154 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác 其他流動資產 | 155 | | | |

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP GẠCH MEN CHANG YIH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN 長期資產 | 200 | | 113,969,968,414 | 101,693,646,581 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | | |
| 3. Phải thu nội bộ dài hạn | 213 | | | |
| 4. Phải thu về cho vay dài hạn | 214 | | | |
| 5. Phải thu dài hạn khác | 215 | | | |
| 6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | (...) | (...) |
| II. Tài sản cố định 固定資產 | 220 | | 97,366,618,698 | 101,280,570,554 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình 有形固定資產 | 221 | | 97,366,618,698 | 101,280,570,554 |
| - Nguyên giá 原價 | 222 | | 321,785,093,005 | 316,974,947,253 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) 累積折舊 | 223 | | (224,418,474,307) | (215,694,376,699) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | |
| - Nguyên giá | 225 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | (...) | (...) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | | |
| - Nguyên giá | 228 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (...) | (...) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | | |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | (...) | (...) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn 在建工程費用 | 240 | | 2 | 413,076,027 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | 21,744,146 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 在建工程費用 | 242 | | 2 | 391,331,881 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | | |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | | |
| 3. Đầu tư khác vào công cụ vốn | 253 | | | |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | (...) | (...) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 16,603,349,714 | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 16,603,349,714 | |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) 資產合計 | 270 | | 345,466,889,550 | 390,275,377,115 |



Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP GẠCH MEN CHANG YIH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ 流動負債 | 300 | | 256,867,251,769 | 287,181,976,843 |
| I. Nợ ngắn hạn 流動負債 | 310 | | 183,114,460,301 | 218,726,443,500 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 短期借款、貸款 | 311 | | 95,413,548,530 | 104,659,236,679 |
| 2. Phải trả người bán ngắn hạn 應付帳款 | 312 | | 57,744,591,513 | 84,982,728,397 |
| 3. Người mua trả tiền trước 預收款項 | 313 | | 19,214,311,251 | 23,201,737,187 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 應向政府繳納之稅捐及其他款項 | 314 | | 176,322,316 | 226,619,128 |
| 5. Phải trả người lao động 應付薪資 | 315 | | 2,753,356,257 | 2,355,461,950 |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn 應付費用 | 316 | | 4,346,045,864 | 2,158,121,749 |
| 7. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 317 | | | |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | | |
| 9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 319 | | | |
| 10. Phải trả ngắn hạn khác 其他短期應付款項 | 320 | | 3,466,284,570 | 1,142,538,411 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | | |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn 長期負債 | 330 | | 73,752,791,468 | 68,455,533,343 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | | |
| 2. Chi phí phải trả dài hạn | 332 | | | |
| 3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 333 | | | |
| 4. Phải trả nội bộ dài hạn | 334 | | | |
| 5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 335 | | | |
| 6. Phải trả dài hạn khác 其他長期應付款項 | 336 | | | |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn 長期借款、貸款 | 337 | | 73,752,791,468 | 68,455,533,343 |
| 8. Trái phiếu chuyển đổi | 338 | | | |
| II. Nợ dài hạn 長期負債 | | | | |
| 9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 339 | | | |
| 10. Dự phòng phải trả dài hạn | 340 | | | |
| 11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 341 | | | |

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP GẠCH MEN CHANG YIH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU 股東權益 | | | | |
| I. Vốn chủ sở hữu 股東權益 | 410 | | 88,599,637,781 | 103,093,400,272 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu 營業資金 | 411 | | 90,478,550,000 | 90,478,550,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần 股份資金剩餘 | 412 | | 829,809,325 | 829,809,325 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) 股票 | 415 | | (18,309,325) | (18,309,325) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | | |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 未分配利潤 | 421 | | (2,690,412,220) | 11,803,350,272 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước 未分配利潤 | 421a | | 11,803,350,272 | 25,246,920,715 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này 未分配利潤 | 421b | | (14,493,762,492) | (13,443,570,443) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) 負債與股東權益合計 | 440 | | 345,466,889,550 | 390,275,377,115 |

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Phúc



Đông Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hung Kuang Ching

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ 損益表
QUÝ 3 / 2015

Đơn vị tính: VND 單位: 越南盾

| CHỈ TIÊU 1 | Mã số 2 | Thuyết minh 3 | Quý 3 | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 | |
|---|----------------|----------------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------|
| | | | Năm 2015 4 | Năm 2014 5 | Năm 2015 6 | Năm 2014 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 銷貨、提供服務之收入 | 1 | VII.1 | 74,583,679,442 | 97,350,728,354 | 227,656,873,064 | 253,981,985,811 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu 減項 | 2 | VII.2 | 907,995,924 | 14,267,273 | 1,367,088,466 | 54,425,955 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) 營業收入淨額 | 10 | | 73,675,683,518 | 97,336,461,081 | 226,289,784,598 | 253,927,559,856 |
| 4. Giá vốn hàng bán 銷貨成本 | 11 | VII.3 | 70,445,077,290 | 87,337,970,729 | 213,233,075,912 | 227,245,761,459 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11) 營業毛利 | 20 | | 3,230,606,228 | 9,998,490,352 | 13,056,708,686 | 26,681,798,397 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính 理財活動收入 | 21 | VII.4 | 15,926,660 | 3,960,618 | 85,660,084 | 148,205,490 |
| 7. Chi phí tài chính 理財活動費用 | 22 | VII.5 | 2,893,948,650 | 2,340,727,501 | 10,914,388,902 | 7,572,477,245 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay 其中: 貸款利息 | 23 | | 2,890,089,533 | 2,340,150,705 | 8,911,193,008 | 6,267,523,172 |
| 8. Chi phí bán hàng 銷貨費用 | 25 | VII.8 | 2,230,049,159 | 2,353,547,724 | 7,896,879,348 | 8,434,538,369 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp 管理費用 | 26 | VII.8 | 2,690,641,231 | 3,649,769,834 | 8,076,700,368 | 10,769,662,673 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 營業利益 {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | (4,568,106,152) | 1,658,405,911 | (13,745,599,848) | 53,325,600 |
| 11. Thu nhập khác 營業外收入 | 31 | VII.6 | (117,918,837) | 530,895,094 | 217,493,203 | 3,691,724,094 |
| 12. Chi phí khác 營業外費用 | 32 | VII.7 | 172,736,012 | 808,227,974 | 965,655,847 | 6,563,375,254 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) 營業外利潤 | 40 | | (290,654,849) | (277,332,880) | (748,162,644) | (2,871,651,160) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) 稅前利益 | 50 | | (4,858,761,001) | 1,381,073,031 | (14,493,762,492) | (2,818,325,560) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành 現行所得稅費用 | 51 | | | | | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại 遞延所得稅費用 | 52 | | | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52) 稅後純利 | 60 | | (4,858,761,001) | 1,381,073,031 | (14,493,762,492) | (2,818,325,560) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) 股息 | 70 | | | | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | (537.01) | 152.64 | (1,601.90) | (311.49) |

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2015
 Tổng Giám đốc




HÙNG QUANG CHING

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 現金流量表

(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Quý 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2015 đến 30/09/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến 30/09/2014 |
|---|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh 營業活動之現金流量 | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế 稅前利潤 | 1 | | (14,493,762,492) | (2,818,325,560) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản 調整事項: | | | 16,070,213,489 | 13,880,167,164 |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT 固定資產折舊 | 2 | | 8,724,097,608 | 8,113,065,569 |
| - Các khoản dự phòng 備抵款項 | 3 | | | |
| - (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 評估未清算的匯兌差額損益 | 4 | | (1,547,116,174) | |
| - (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư 投資其他單位之損益 | 5 | | (17,960,953) | 3,426,950,890 |
| - Chi phí lãi vay 貸款利息 | 6 | | 8,911,193,008 | 2,340,150,705 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 7 | | | |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động 流動資金變動之營業利潤 | 8 | | 1,576,450,997 | 11,061,841,604 |
| - (Tăng), giảm các khoản phải thu 應收帳款之增、減 | 9 | | (4,566,333,427) | (21,190,359,579) |
| - (Tăng), giảm hàng tồn kho 存貨之增、減 | 10 | | 40,248,194,417 | (62,707,116,926) |
| - Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) 應付帳款之增、減 | 11 | | (43,767,285,678) | 60,780,601,263 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước 預付費用之增、減 | 12 | | 1,037,012,493 | (9,025,869,935) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | | |
| - Tiền lãi vay đã trả 已償付的貸款利息 | 14 | | (6,841,391,714) | (1,965,739,470) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | | |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | | |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 營業活動的現金流量淨額 | 20 | | (12,313,352,912) | (23,046,643,043) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư 投資活動之現金流量 | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác 購置、建造固定資產及其他長期資產之款項 | 21 | | (4,810,145,752) | (21,485,089,749) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | 2,430,000,000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | | |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 取得分配之利潤、股利及借款利息的款項 | 27 | | 17,960,953 | 148,205,490 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư 投資活動的現金流量淨額 | 30 | | (4,792,184,799) | (18,906,884,259) |

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2015 đến 30/09/2015 | Từ ngày 01/01/2014 đến 30/09/2014 |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính 理財活動的現金流量 | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay 已提款的長期、短期借款 | 33 | | 177,095,904,728 | 187,816,479,750 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay 已償付的借款本金 | 34 | | (164,166,029,243) | (153,003,871,131) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính 理財活動的現金流量淨額 | 40 | | 12,929,875,485 | 34,812,608,619 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) 本年現金流量淨額 | 50 | | (4,175,662,226) | (7,140,918,683) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ 年初現金餘額 | 60 | | 6,906,199,320 | 11,711,650,221 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) 年底現金餘額 | 70 | | 2,730,537,094 | 4,570,731,538 |

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc




Hung Kuang Ching

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP GẠCH MEN CHANG YIH
Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch, Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 財政報告說明 QUÝ 3/2015 2015 年第 3 季

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp 企業之活動特點

- Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
所有基金形式 股份公司
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất
經營領域 : 生產
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng; xây dựng công trình dân dụng.
經營行業: 瓷釉磚和高品質的裝飾磚塊
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.
- Cấu trúc doanh nghiệp
 - Danh sách các công ty con;
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;
 - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính có so sánh

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán 財政年度, 財務使用之錢幣

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015).
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng 財務採用的標準和制度

- Chế độ kế toán áp dụng 財務採用的制度

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

1. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán 宣佈遵守有關財務標準和制度

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục): 財務採用的各種政策

- Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

| | | | |
|---|------------|---|----------------|
| Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: | 31/12/2014 | : | 21.246 VND/USD |
| | 30/09/2015 | : | 21.980 VND/USD |

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh;

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các khoản cho vay;

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 12 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hợp đồng xây dựng.
- Thu nhập khác

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn không?

2. Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá hiện hành...)

3. Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:

- Các khoản dự phòng;
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá (còn đang phản ánh trên Bảng cân đối kế toán – nếu có).

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 25.647.204 | 456.070.956 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.687.997.690 | 6.450.127.364 |
| Tiền đang chuyển | 16.892.200 | 1.000 |
| Cộng | 2.730.537.094 | 6.906.199.320 |

2. Các khoản phải thu khách hàng

| | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| - Phải thu khách hàng | 38.779.618.527 | 33.717.554.532 |
| + Khách hàng nước ngoài | 1.908.146.604 | 2.745.590.410 |
| + Khách hàng trong nước | 36.871.471.923 | 30.971.964.122 |
| - Trả trước cho người bán | 2.630.493.069 | 4.552.143.879 |
| + Khách hàng nước ngoài | 1.041.760.420 | 3.839.559.061 |
| + Khách hàng trong nước | 1.588.732.649 | 712.584.818 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| Các khoản phải thu khác | 5.272.557.970 | 4.342.368.639 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | | 643.223.764 |
| | 46.682.669.566 | 43.255.290.814 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (19.171.307.880) | (19.171.307.880) |
| Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn | 27.511.361.686 | 24.083.982.934 |
| 3. Hàng tồn kho: | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 34.115.261.036 | 43.656.137.713 |
| Công cụ, dụng cụ | 286.199.022 | 286.199.022 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 9.187.199.568 | 10.260.442.818 |
| Thành phẩm | 148.153.961.331 | 188.725.120.410 |
| | 191.742.620.957 | 242.927.899.963 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (4,852,037,220) | (16,180,453,686) |
| | 186,890,583,737 | 226,747,446,277 |

Một phần thành phẩm tồn kho trị giá 80.000.000.000 VNĐ của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | 2015 | 2014 |
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Tại ngày 01 tháng 01 | - | 7.190.989.412 |
| Tăng trong kỳ | 6.646.155.942 | 22.627.028.355 |
| Phân bổ vào chi phí trong kỳ | (1.474.351.795) | (20.201.120.626) |
| Tại ngày 30 tháng 09 | 5.171.804.147 | 9.616.897.141 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa & kiến trúc <u>VNĐ</u> | Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u> | Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u> | Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u> | Tổng cộng <u>VNĐ</u> |
|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
| Nguyên giá Tại ngày 01/01/2015 | 76,097,854,2 80 | 235.508.067.805 | 4.677.265.071 | 691.760.097 | 316.974.947.253 |
| Tăng | 119.824.000 | 3.653.958.116 | 1.036.363.636 | | 4.810.145.752 |
| Thanh lý | | | | | |
| Tại ngày 30/09/2015 | 76,217,678,280 | 239,162,025,921 | 5,713,628,707 | 691,760,097 | 321,785,093,005 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | (29.031.454.724) | (184.016.914.182) | (2.083.513.214) | (562.494.579) | (215.694.376.699) |
| Khấu hao trong kỳ | (2.298.602.742) | (6.164.073.102) | (240.319.431) | (21.102.333) | (8.724.097.608) |
| Thanh lý | | | | | |
| Tại ngày 30/09/2015 | (31,330,057,466) | (190,180,987,284) | (2,323,832,645) | (583,596,912) | (224,418,474,307) |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 47,066,399,556 | 51,491,153,623 | 2,593,751,857 | 129,265,518 | 101,280,570,554 |
| Tại ngày 30/09/2015 | 44,887,620,814 | 48,981,038,637 | 3,389,796,062 | 108,163,185 | 97,366,618,698 |

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cột phần ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Nhơn Trạch.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 2015 <u>VNĐ</u> | 2014 <u>VNĐ</u> |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 | 391.331.881 | 7.505.096.247 |
| tăng trong kỳ | 3.253.364.035 | 17.576.689.758 |
| Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | (305.505.000) | (23.161.007.705) |
| Kết chuyển vào chi phí trả trước | (3.069.882.229) | |
| Giảm khác | (269.308.685) | |
| tại 30 tháng 09 | 2 | 1.920.778.300 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Chi phí trả trước dài hạn

| | 2015 <u>VNĐ</u> | 2014 <u>VNĐ</u> |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 | 22.812.166.354 | 7.934.594.314 |
| Tăng trong kỳ | 17.323.987.509 | 11.645.640.816 |
| Phân bổ vào chi phí trong kỳ | (23.532.804.149) | (5.045.678.611) |
| Tại ngày 30 tháng 09 | 16.603.349.714 | 14.534.556.520 |

8. Các khoản phải trả người bán

| | 30/09/2015 <u>VNĐ</u> | 01/01/2015 <u>VNĐ</u> |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả khách hàng | | |
| + Nhà cung cấp nước ngoài | 6.786.497.241 | 24.140.767.288 |
| + Nhà cung cấp trong nước | 50.958.094.272 | 60.841.961.109 |
| | 57.744.591.513 | 84.982.728.397 |

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 30/09/2015 <u>VNĐ</u> | 01/01/2015 <u>VNĐ</u> |
|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 176.322.316 | 226.619.128 |
| | 176.322.316 | 226.619.128 |

10. Chi phí phải trả

| | 30/09/2015 <u>VNĐ</u> | 01/01/2015 <u>VNĐ</u> |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 4.260.658.534 | 2.158.121.749 |
| Chi phí khác | 85.387.330 | 217.899.661 |
| | 4.346.045.864 | 2.376.021.410 |

11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

| | 30/09/2015 <u>VNĐ</u> | 01/01/2015 <u>VNĐ</u> |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 151.515.050 | 210.345.550 |
| Bảo hiểm xã hội | 105.009.831 | 468.320.541 |
| Bảo hiểm y tế | 32.453.446 | 57.120.383 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 12.675.535 | 24.222.855 |
| Phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 3.164.630.708 | 382.529.082 |
| | 3.466.284.570 | 1.142.538.411 |

12. Vay và nợ ngắn hạn

| | 30/09/2015 <u>VNĐ</u> | 01/01/2015 <u>VNĐ</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Ngân hàng Vietcombank-Chi nhánh Nhơn Trạch | 68.362.773.352 | 77.364.381.501 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 27.050.775.178 | 27.294.855.178 |
| | 95.413.548.530 | 104.659.236.679 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Nhơn Trạch theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng VNĐ hoặc USD với hạn mức tối đa là 90.000.000.000 VNĐ. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Vietcombank. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị và một phần thành phẩm tồn kho để thế chấp cho khoản vay này

13. Vay và nợ dài hạn

| | 30/09/2015 | 01/01/2015 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Ông Chen Hui Zun | 16.000.000.000 | 16.000.000.000 |
| NH vietcombank-chi nhánh nhơn trạch | 11.589.301.468 | 6.983.653.682 |
| Chyih investment Co.ltd | 46.163.490.000 | 45.253.980.000 |
| | 73.752.791.468 | 68,237,633.682 |

Khoản vay cá nhân Ông Chen Hui Zun theo hợp đồng vay vốn cá nhân ngày 01 tháng 8 năm 2012. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 01/8/2012 đến 31/7/2017 với lãi suất 14,5% năm.

Khoản vay 4.000.000,00 USD từ Công ty Chyih Investment Co., Ltd. theo Hợp đồng CYI/TL/05/01 ngày 10 tháng 7 năm 2001 và Phụ lục Hợp đồng PL201305/CYI/TL/05/01 ngày 12/5/2013 với lãi suất 3%/năm để bổ sung vốn hoạt động, thời hạn vay từ 13/5/2013 đến 12/5/2018. Khoản vay này đã đăng ký và được chấp thuận bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 1644/CV-QLNH ngày 08 tháng 11 năm 2001 và Công văn số 600/NHNN-ĐNA1 ngày 06 tháng 6 năm 2013 bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.

Khoản vay 670.000,00 USD từ Vietcombank - CN Nhơn Trạch. theo Hợp đồng 2014117/NHNT-DA ngày 31 tháng 3 năm 2014 và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng số 01-SD2014114/NHNT-DA ngày 18/7/2014 với lãi suất 5%/năm để thanh toán chi phí cho dự án, thời hạn vay từ 60 tháng.

14. Vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng |
|---------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|--------------------------|------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Tại ngày 01/01/2014 | 90.478.550.000 | 829.809.325 | (18.309.325) | 25.246.980.715 | 116.537.030.715 |
| Lợi nhuận | | | | (13,443,570,444) | (13.443.570.444) |
| Tại ngày 31/12/2014 | 90.478.550.000 | 829.809.325 | (18,309,325) | 11.803.410.272 | 103.093.460.272 |
| Lợi nhuận | | | | (14.493.762.492) | (14.493.762.492) |
| Tại 30/09/2015 | 90.478.550.000 | 829.809.325 | (18.309.325) | (2.690.352.220) | 88.599.697.780 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. Cổ phiếu

| | 30/09/2015 Cổ Phiếu | 01/01/2015 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành | 9.047.855 | 9.047.855 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 9.047.855 | 9.047.855 |
| -Cổ phần phổ thông | 1.430 | 1.430 |
| -Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.046.425 | 9.046.425 |
| -Cổ phần phổ thông | 9.046.425 | 9.046.425 |
| -Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

16. Doanh thu

| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Trong đó | | |
| Doanh thu xuất khẩu | 44.934.929.367 | 81.997.416.752 |
| Doanh thu nội địa | 182.721.943.697 | 171.984.569.059 |
| Doanh thu khác | | |
| | 227.656.873.064 | 253.981.985.811 |
| Các khoản giảm trừ | | |
| Chiết khấu thương mại | (1.108.320.158) | |
| Hàng bán bị trả lại | | |
| Giảm giá hàng bán | (258.768.308) | (54.425.955) |
| Doanh thu thuần | 226.289.784.598 | 253.927.559.856 |

17. Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|--------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Giá vốn thành phẩm | 224.561.492.378 | 227.245.761.459 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (11.328.416.466) | |
| | 213.233.075.912 | 227.245.761.459 |

18. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 17.960.953 | 12.933.158 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 67.699.131 | 135.272.332 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 85.660.084 | 148.205.490 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

19. Chi phí hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|-------------------------------------|--|--|
| Lãi tiền vay | 10.675.527.283 | 6.267.523.172 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | | |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 238.861.619 | 1.304.954.073 |
| | 10.914.388.902 | 7.572.477.245 |

20. Chi phí bán hàng

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|---------------------------|--|--|
| Chi phí nhân viên | 1.159.917.196 | 1.290.760.779 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 719.898.400 | 1.384.677.530 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.826.567.685 | 4.755.980.707 |
| Chi phí khác | 1.190.496.067 | 1.003.119.353 |
| | 7.896.879.348 | 8.434.538.369 |

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|---------------------------|--|--|
| Chi phí nhân viên | 5.058.098.300 | 5.858.728.782 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 693.416.104 | 1.098.752.979 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 454.698.105 | 515.008.352 |
| Thuế, phí và lệ phí | | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.495.428.216 | 1.561.224.377 |
| Chi phí bằng tiền khác | 375.059.643 | 1,735,948.183 |
| | 8.076.700.368 | 10.769.662.673 |

22. Lợi nhuận khác

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|---------------------|--|--|
| Thanh lý TSCĐ | | 2.430.000.000 |
| Hoàn thuế nhập khẩu | 110.165.793 | 822.514.971 |
| Xử lý công nợ | 49.517.084 | |
| Khác | 57.810.326 | 439.209.123 |
| | 217.493.203 | 3.691.724.094 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|---|--|--|
| Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính | 4.700.000 | 2.611.904 |
| Thanh lý nhượng bán TSCĐ, hủy | | 6.005.156.380 |
| Xử lý công nợ | 14.998.268 | |
| Khác | 945.957.579 | 555.606.970 |
| | 965.655.847 | 6.563.375.254 |
| Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác | (748,162,644) | (2,871,651,160) |

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|---------------------------|--|--|
| Chi phí nguyên vật liệu | 147.382.514.956 | 235.119.032.699 |
| Chi phí nhân công | 26.373.226.690 | 32.936.721.002 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 8.263.388.805 | 8.250.829.914 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.320.644.585 | 25.084.623.888 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.433.462.240 | 2.812.621.069 |
| | 201.773.237.276 | 304.203.828.572 |

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|--|--|--|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại | | |
| Lợi nhuận trước thuế | (14.493.762.492) | (2.818.092.790) |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: thu nhập không chịu thuế | | |
| Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ | | |
| Thu nhập chịu thuế | (14.493.762.492) | (2.818.092.790) |
| Thuế suất thuế TNDN | | |
| -Hoạt động kinh doanh chính | 15% | |
| Thuế TNDN phải nộp hiện hành | | |
| Thuế TNDN được miễn giảm | | |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

25. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ | Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VNĐ |
|---|--|--|
| Trả lãi vay dài hạn Changyih Investment CO.,Ltd Ông Chen Hui Zun | 1.353.333.333 1.353.333.333 | 1.546.666.664 1.546.666.664 |
| Lãi vay dài hạn phải trả Changyih Investment CO.,Ltd Ông Chen Hui Zen | 1.633.201.550 1.739.999.997 3.373.201.547 | 1.625.909.449 1.739.999.997 3.365.909.446 |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | 30/09/2015 VNĐ | 30/09/2014 VNĐ |
|---|---|---|
| Lãi vay dài hạn phải trả Changyih Investment CO.,Ltd Ông Chen Hui Zen | 2.923.366.432 386.666.664 3.310.033.096 | 1,819,242,782 193.333.333 2.012.576.115 |
| Vay dài hạn phải trả Changyih Investment CO.,Ltd Ông Chen Hui Zen | 46.163.490.000 16.000.000.000 62.163.490.000 | 70.961.640.000 16.000.000.000 86.961.640.000 |

X. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Trong quý 3/2015, Công ty lỗ 4.858.761.001 đồng, tăng lỗ so với cùng kỳ năm trước 6.239.834.032 đồng, quý 3/2014 lời 1.381.073.031 đồng. Doanh số bán hàng quý 3/2015 giảm so với quý 3/2014 số tiền là 22.767.048.912 đồng, bên cạnh đó do công ty đang xử lý hàng tồn kho nên bán cho khách hàng bao tiêu những loại đã lâu năm và hàng loại 2, loại 3 giá bán thấp hơn giá thành sản xuất dẫn đến báo cáo lỗ.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

HÙNG QUANG CHING